CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Bình Thạnh, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301838116
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-08-25 16:46:35
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 23/02/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp về cập nhật địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 23/02/2026 là: 72.276.620.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bá Tùng	Chủ tịch
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huê	Trưởng ban
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Kiếm	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0301098176 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đoàn Đắc Học
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 379/2026/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, được lập ngày 24 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2026 VND	01/01/2026 (trình bày lại) VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+160)**	**100**		**261.014.914.986**	**221.259.182.166**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**34.326.682.316**	**19.377.366.094**
1.	Tiền	111		34.326.682.316	19.377.366.094
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**139.322.635.042**	**107.530.063.855**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	122.547.148.979	97.940.155.978
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.444.056.194	4.214.324.546
5.	Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	5.331.429.869	5.375.583.331
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.5**	**83.798.602.657**	**91.547.377.614**
1.	Hàng tồn kho	141		83.798.602.657	91.547.377.614
VI.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**3.566.994.971**	**2.804.374.603**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.6	2.975.285.272	2.061.724.865
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		64.285.144	668.710.368
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.13	527.424.555	73.939.370
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260+270)**	**200**		**123.140.349.393**	**132.573.685.670**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**265.000.000**	**265.000.000**
5.	Phải thu dài hạn khác	215	5.4	265.000.000	265.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**55.093.270.030**	**60.467.135.155**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	53.950.580.994	59.301.184.245
	- Nguyên giá	*222*		*170.514.050.177*	*170.255.550.177*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(116.563.469.183)*	*(110.954.365.932)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.142.689.036	1.165.950.910
	- Nguyên giá	*228*		*2.080.950.110*	*2.080.950.110*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(938.261.074)*	*(914.999.200)*
V.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**		**906.000.000**	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		906.000.000	-
VI.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	**5.9**	**23.127.842.531**	**27.225.280.353**
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		23.127.842.531	27.225.280.353
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		355.000.000	355.000.000
4.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(355.000.000)	(355.000.000)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**43.748.236.832**	**44.616.270.162**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.6	43.715.432.291	44.576.329.019
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		32.804.541	39.941.143
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	**280**		**384.155.264.379**	**353.832.867.836**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026 VND	01/01/2026 (trình bày lại) VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**215.956.931.448**	**172.048.724.835**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**212.888.321.448**	**168.847.354.835**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	74.735.878.351	57.910.878.853
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	10.988.771.242	14.694.155.408
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.12	9.943.999.486	8.427.866.476
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	5.395.059.769	1.488.938.068
5.	Phải trả người lao động	315		11.140.683.577	18.245.922.858
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.14	11.803.045.734	3.414.982.756
10.	Phải trả ngắn hạn khác	320	5.15	5.195.530.966	7.353.070.443
11.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.16	81.922.556.998	56.164.044.550
13.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.762.795.325	1.147.495.423
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**3.068.610.000**	**3.201.370.000**
8.	Phải trả dài hạn khác	338	5.15	1.310.000.000	1.416.000.000
13.	Dự phòng phải trả dài hạn	343		1.758.610.000	1.785.370.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**5.17**	**168.198.332.931**	**181.784.143.001**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.276.620.000	72.276.620.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*72.276.620.000*	*72.276.620.000*
2.	Thặng dư vốn	412		25.425.165.374	25.425.165.374
5.	Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(343.472.600)	(343.472.600)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		40.673.334.997	40.673.334.997
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.166.685.160	43.752.495.230
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*11.920.086.911*	*11.302.797.567*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*18.246.598.249*	*32.449.697.663*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**384.155.264.379**	**353.832.867.836**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Hồng Hạnh	Trần Văn Phúc	Đoàn Đắc Học

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 02a - DN/HN
Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	779.214.360.874	559.426.144.925
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	779.214.360.874	559.426.144.925
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	711.027.313.496	490.298.719.082
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**68.187.047.378**	**69.127.425.843**
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	55.433.842	153.155.921
8.	Chi phí tài chính	23	6.4	2.247.446.592	1.744.743.824
	Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*2.165.629.201*	*1.696.118.466*
9.	Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	25	6.5	6.023.742.819	5.518.763.940
10.	Chi phí bán hàng	25	6.6	24.275.650.896	21.449.386.798
11.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	26.626.719.338	25.807.458.440
12.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}**	**30**		**21.116.407.213**	**25.797.756.642**
13.	Thu nhập khác	31	6.7	338.803.720	94.314.888
14.	Chi phí khác	32	6.7	53.996.880	749.638.682
15.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.7**	**284.806.840**	**(655.323.794)**
16.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**21.401.214.053**	**25.142.432.848**
17.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.147.479.202	4.654.710.226
18.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		7.136.602	(32.061.398)
19.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**18.246.598.249**	**20.519.784.020**
20.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		18.246.598.249	20.519.784.020
21.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
22	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.9**	**2.511**	**2.606**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Hồng Hạnh	Trần Văn Phúc	Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. *Lợi nhuận trước thuế*	***01***		***21.401.214.053***	***25.142.432.848***
2. *Điều chỉnh cho các khoản*				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.480.175.007	4.344.784.196
- Các khoản dự phòng	03		-	(3.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(459.367)	(2.157.808)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(6.027.393.371)	(5.577.594.980)
- Chi phí đi vay	06		2.165.629.201	1.696.118.466
3. *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	***08***		***24.019.165.523***	***25.600.582.722***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.113.276.320)	7.972.752.938
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.748.774.957	(3.146.752.610)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.248.697.805	(3.917.017.549)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(900.473.561)	(2.091.422.097)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(2.165.629.201)	(1.688.399.963)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.224.134.883)	(4.138.735.381)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.356.990.000)	(4.645.019.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***7.256.134.320***	***13.945.988.668***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.164.500.000)	(729.383.338)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.604.173.024	7.005.975.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**8.439.673.024**	**6.276.591.881**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		89.529.825.961	97.182.776.481
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(63.771.313.513)	(88.505.951.318)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.504.902.880)	(20.583.074.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**(746.390.432)**	**(11.906.249.287)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		**14.949.416.912**	**8.316.331.262**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	**19.377.366.094**	**20.834.914.435**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(100.690)	102.793
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	**34.326.682.316**	**29.151.348.490**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Hồng Hạnh	Trần Văn Phúc	Đoàn Đắc Học

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 23/02/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp về cập nhật địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 23/02/2026 là: 72.276.620.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể;
- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu. Kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cải tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Mua bán xăng dầu. Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;

Hoạt động chính của Công ty và Công ty con trong kỳ: Kinh doanh xăng dầu, thi công lắp đặt nhận diện thương hiệu và Sản xuất kinh doanh thùng, bể chứa, đóng mới, sửa chữa bồn bồn bể.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các Công ty con, liên doanh liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng Dầu Đồng Nai	Lô 108-109-110, KCN Dệt May Nhơn Trạch, xã Hiệp Phước, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể…	100%	100%	100%
Công ty liên kết					
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Kho B, Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghiệp ngành gas, xăng, dầu, …	49%	49%	49%

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh xăng dầu như sau:

Đơn vị	Địa chỉ
Hạch toán độc lập	
Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tân Bình – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh

1.5 Số lượng người lao động tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán

Số lao động tại Công ty và Công ty con tại ngày 30/6/2026 là 210 người (Số lao động tại ngày 31/12/2025 là 210 người).

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30/6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ..

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, Công ty con là Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn được tính đối với hàng hóa xe bồn theo phương pháp thực tế đích danh, đối với hàng hóa xăng dầu và các loại vật tư khác theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m^2 tại Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí thuê đất trả tiền một lần được phân bổ theo thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là Khoản chi phí bảo hành thi công nhận diện thương hiệu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại được ghi giảm thặng dư vốn.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tình hình tài chính.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của công trình xây dựng, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

- Chi phí lãi chậm thanh toán: Được ghi nhận căn cứ trên số nợ gốc, lãi suất chậm thanh toán và số ngày chậm thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính là bán hàng hóa, thành phẩm liên quan đến hoạt động xăng dầu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	427.012.632	1.456.528.057
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	33.899.669.684	17.920.838.037
Cộng	**34.326.682.316**	**19.377.366.094**

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	17.734.722.855	3.725.558.713
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9.429.454.389	1.877.735.900
Ngân Hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	5.969.627.923	4.813.910.672
Ngân hàng khác	765.864.517	7.503.632.752
Cộng	**33.899.669.684**	**17.920.838.037**

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**122.547.148.979**	**-**	**97.940.155.978**	**-**
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	2.318.477.352	-	6.667.177.287	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai	-	-	5.679.788.455	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	-	-	5.635.590.737	-
Công ty TNHH SHERWIN - WILLIAMS	6.671.485.080	-	4.564.705.428	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn CASTROL BP PETCO	15.354.323.064	-	13.286.645.568	-
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	17.550.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	80.652.863.483	-	62.106.248.503	-
Cộng	**122.547.148.979**	**-**	**97.940.155.978**	**-**
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	***45.539.537.636***	**-**	***37.849.232.296***	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Trả trước người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**11.444.056.194**	-	**4.214.324.546**	-
CNBM INTERNATIONAL CORPORATION	-	-	2.192.046.891	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	7.227.120.161	-	240.682.901	-
Các khoản trả trước khác	4.216.936.033	-	1.781.594.754	-
Cộng	**11.444.056.194**	-	**4.214.324.546**	-

5.4 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**5.331.429.869**	-	**5.375.583.331**	-
Tạm ứng (*)	2.108.749.766	-	636.688.322	-
Ký cược, ký quỹ	486.049.202	-	94.683.432	-
Phải thu khác	2.736.630.901	-	4.644.211.577	-
Phải thu về thuế TNCN	*1.033.947.850*	-	*2.185.991.917*	-
Phải thu khác	*1.702.683.051*	-	*2.458.219.660*	-
Dài hạn	**265.000.000**	-	**265.000.000**	-
Ký cược, ký quỹ	265.000.000	-	265.000.000	-
Cộng	**5.596.429.869**	-	**5.640.583.331**	-

(*) Tiền tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản tiền Công ty ứng cho nhân viên để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	58.455.181.756	-	56.000.444.097	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.095.557.659	-	9.760.691.608	-
Sản phẩm	5.542.865.681	-	9.595.114.822	-
Hàng hóa	10.704.997.561	-	16.191.127.087	-
Cộng	**83.798.602.657**	-	**91.547.377.614**	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 56.636.069.607 VND (tại ngày 01/01/2026 là 63.359.715.618 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**2.975.285.272**	**2.061.724.863**
Chi phí tiền thuê đất	2.930.726.401	1.886.063.500
Chi phí chờ phân bổ khác	44.558.871	175.661.365
Dài hạn	**43.715.432.291**	**44.576.329.019**
Chi phí tiền thuê đất (*)	43.702.345.445	44.550.155.327
Chi phí chờ phân bổ khác	13.086.846	26.173.692
Cộng	**46.690.717.563**	**46.638.053.884**

(*) Bao gồm:

- Giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất là trạm kinh doanh xăng dầu tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh được phân bổ theo thời hạn đến ngày 10/8/2046.

- Quyền sử dụng đất tại Lô 108,109,110 KCN Dệt May Nhơn Trạch, xã Hiệp Phước, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận số CD 582309 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/03/2016 là tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng dầu tương đương 51.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng đến 2053. Quyền sử dụng đất đang được đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam *(Chi tiết tại thuyết minh 5.16)*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	**54.060.175.950**	**105.800.871.742**	**10.223.342.031**	**171.160.454**	**170.255.550.177**
Mua trong kỳ	-	258.500.000	-	-	258.500.000
Số dư tại 30/06/2026	**54.060.175.950**	**106.059.371.742**	**10.223.342.031**	**171.160.454**	**170.514.050.177**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	**24.841.740.132**	**77.249.946.345**	**8.705.354.211**	**157.325.244**	**110.954.365.932**
Khấu hao trong kỳ	1.196.290.482	4.079.495.099	327.783.576	5.534.094	5.609.103.251
Số dư tại 30/06/2026	**26.038.030.614**	**81.329.441.444**	**9.033.137.787**	**162.859.338**	**116.563.469.183**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2026	**29.218.435.818**	**28.550.925.397**	**1.517.987.820**	**13.835.210**	**59.301.184.245**
Tại 30/06/2026	**28.022.145.336**	**24.729.930.298**	**1.190.204.244**	**8.301.116**	**53.950.580.994**

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 24.927.532.979 VND (tại ngày 01/01/2026 là 25.242.466.901 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 62.367.178.345 VND (tại ngày 01/01/2026 là 61.254.395.428 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2026	**1.860.950.110**	**220.000.000**	**2.080.950.110**
Số dư tại 30/6/2026	**1.860.950.110**	**220.000.000**	**2.080.950.110**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2026	**694.999.200**	**220.000.000**	**914.999.200**
Khấu hao trong kỳ	23.261.874	-	23.261.874
Số dư tại 30/6/2026	**718.261.074**	**220.000.000**	**938.261.074**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2026	**1.165.950.910**	**-**	**1.165.950.910**
Tại 30/6/2026	**1.142.689.036**	**-**	**1.142.689.036**

(*) Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m^2 tại Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 220.000.000 VND (tại ngày 01/01/2026 là 220.000.000 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên kết			**11.037.210.441**	**23.127.842.531**	**11.037.210.441**	**27.225.280.353**
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	49,00%	49,00%	11.037.210.441	23.127.842.531	11.037.210.441	27.225.280.353
Cộng			**11.037.210.441**	**23.127.842.531**	**11.037.210.441**	**27.225.280.353**

	Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			**355.000.000**	**-**	**(355.000.000)**	**355.000.000**	**-**	**(355.000.000)**
Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (5000 Cổ phiếu)			355.000.000	-	(355.000.000)	355.000.000	-	(355.000.000)
Cộng			**355.000.000**	**-**	**(355.000.000)**	**355.000.000**	**-**	**(355.000.000)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Phải trả người bán

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**74.735.878.351**	**57.910.878.853**
Công ty TNHH TM DV Cơ khí Xây dựng Nam Phương	49.887.893	100.044.406
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Quảng Cáo Phương Nam	232.342.923	2.279.982.064
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	13.513.867.039	8.550.508.299
Công ty TNHH Minh Đức Minh Tâm	18.063.072.491	17.162.289.322
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	11.149.200.000	-
Đối tượng khác	31.727.508.005	29.818.054.762
Cộng	74.735.878.351	57.910.878.853
Trong đó:		
Phải trả người bán là các bên liên quan	***18.663.544.043***	***14.312.167.441***
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

5.11 Người mua trả tiền trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**10.988.771.242**	**14.694.155.408**
CN Petrolimex Ninh Thuận - Công ty TNHH MTV Petrolimex	5.047.954.919	5.064.310.919
Công ty TNHH Ô Tô Việt Nhân	-	5.358.000.000
Công ty TNHH Flint Group Việt Nam	435.240.000	720.360.000
Công ty Cổ phần VHL LOGISTICS	-	1.458.701.970
Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Petrolimex	1.719.153.615	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Xây lắp I - Petrolimex	2.136.750.000	-
Đối tượng khác	1.649.672.708	2.092.782.519
Cộng	10.988.771.242	14.694.155.408
Trong đó:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	***8.935.358.534***	***31.500.000***
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

5.12 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	9.943.999.486	8.427.866.476
Cộng	9.943.999.486	8.427.866.476

(*) Cổ tức phải trả bao gồm 1.598.001.600 VND là cổ tức phải trả cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 và 8.345.997.886 VND là cổ tức chưa được trả từ các năm trước cho các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Phải nộp	**1.488.938.068**	**15.740.979.480**	**11.834.857.779**	**5.395.059.769**
Ngắn hạn	*1.488.938.068*	*15.740.979.480*	*11.834.857.779*	*5.395.059.769*
Thuế giá trị gia tăng	309.637.830	4.734.026.509	4.708.225.940	335.438.399
Thuế xuất nhập khẩu	-	9.245.506	9.245.506	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	487.444.758	3.147.479.202	2.013.728.624	1.621.195.336
Thuế TNDN năm hiện hành	*487.444.758*	*3.100.210.046*	*1.966.459.468*	*1.621.195.336*
Thuế TNDN năm trước	-	*47.269.156*	*47.269.156*	-
Thuế thu nhập cá nhân	349.411.734	1.715.100.361	1.656.731.511	407.780.584
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.100.626.900	3.069.981.450	3.030.645.450
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	342.443.746	34.501.002	376.944.748	-
Phải thu	**73.939.370**	**73.939.370**	**527.424.555**	**527.424.555**
Ngắn hạn	*73.939.370*	*73.939.370*	*527.424.555*	*527.424.555*
Thuế giá trị gia tăng	73.939.370	73.939.370	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	67.905.360	67.905.360
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	210.406.259	210.406.259
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	249.112.936	249.112.936

5.14 Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**11.803.045.734**	**3.414.982.756**
Trích trước tiền điện	276.891.412	307.296.813
Trích trước chi phí thiết bị	959.666.000	-
Trích trước chi phí sửa chữa	2.671.000.000	-
Trích trước giá vốn các công trình xây dựng, thi công	-	2.046.700.000
Trích trước chi phí vận chuyển	100.000.000	774.858.303
Chi phí trích trước khác	7.795.488.322	286.127.640
Cộng	**11.803.045.734**	**3.414.982.756**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Phải trả, phải nộp khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**5.195.530.966**	**7.353.070.443**
Kinh phí công đoàn	213.905.460	198.092.100
Bảo hiểm xã hội	1.013.120	1.013.120
Bảo hiểm y tế	189.960	189.960
Bảo hiểm thất nghiệp	126.640	126.640
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.980.295.786	7.153.648.623
Phải trả các đội thi công	*1.738.987.930*	*4.566.619.599*
Phải trả phải nộp khác	*3.241.307.856*	*2.587.029.024*
Dài hạn	**1.310.000.000**	**1.416.000.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.310.000.000	1.416.000.000
Cộng	**6.505.530.966**	**8.769.070.443**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**81.922.556.998**	**89.529.825.961**	**63.771.313.513**	**56.164.044.550**
Vay ngân hàng	**81.922.556.998**	**89.529.825.961**	**63.771.313.513**	**56.164.044.550**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP.HCM (*)	81.922.556.998	89.529.825.961	63.771.313.513	56.164.044.550
Cộng	**81.922.556.998**	**89.529.825.961**	**63.771.313.513**	**56.164.044.550**

(*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 0820/2025-HĐCVHM/NHCT924-PMSDN ngày 26/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP.HCM. Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn). Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thời hạn vay và lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp đảm bảo:

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất số CD 582309; số vào sổ cấp GCN: CT28722 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/03/2016 với tổng giá trị được định giá bởi Vietinbank là 192.194.000.000 VND *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai tỷ, một trăm chín mươi bốn triệu đồng)* theo biên bản định giá lại tài sản đảm bảo ngày 06/9/2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0403/2017/HĐTCBĐS-SDDBS01/NHCT924-CKXDĐN ngày 11/4/2017.

+ Theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0611/2018/HĐBĐ/NHCT924-PMSĐN ngày 25/6/2018. Tài sản thế chấp là Toàn bộ hàng tồn kho của Bên thế chấp; Các quyền, lợi ích của Bên thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm; Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà Bên Thế chấp có thể nhận được. Giá trị của tài sản thế chấp là 40.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng).*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	**72.276.620.000**	**25.425.165.374**	**(343.472.600)**	**40.673.334.997**	**36.167.124.918**	**174.198.772.689**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	32.687.697.663	32.687.697.663
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	-	(21.605.316.000)	(21.605.316.000)
Chia quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	-	-	-	-	(1.468.672.184)	(1.468.672.184)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(481.500.000)	(481.500.000)
Tạm trích thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành từ lợi nhuận năm 2025 (*)	-	-	-	-	(238.000.000)	(238.000.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH và Cán bộ quản lý	-	-	-	-	(943.200.000)	(943.200.000)
Phân phối lợi nhuận Công ty liên kết theo phương pháp VCSH	-	-			(365.639.167)	(365.639.167)
Số dư tại 01/01/2026	**72.276.620.000**	**25.425.165.374**	**(343.472.600)**	**40.673.334.997**	**43.752.495.230**	**181.784.143.001**
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	18.246.598.249	18.246.598.249
Chia cổ tức năm 2025 (*)	-	-	-	-	(28.086.910.800)	(28.086.910.800)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành từ lợi nhuận năm 2025 (*)	-	-	-	-	(557.200.000)	(557.200.000)
Tạm chia thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2026 (**)	-	-	-	-	(99.000.000)	(99.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (*)	-	-	-	-	(1.629.089.902)	(1.629.089.902)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH và Cán bộ quản lý (*)	-	-	-	-	(943.200.000)	(943.200.000)
Phân phối lợi nhuận Công ty liên kết theo phương pháp VCSH	-	-			(517.007.617)	(517.007.617)
Số dư tại 30/06/2026	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	40.673.334.997	30.166.685.160	168.198.332.931

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2026 số 001/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2026 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025, theo đó thông qua việc chi trả cổ tức số tiền 28.086.910.800 VND; trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 1.629.089.902 VND; trích thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành số tiền 795.200.000 VND; Chi thưởng HĐQT, BKS, BĐH và Cán bộ quản lý số tiền 943.200.000 VND.

(**) Các khoản tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2026 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2025 số 001/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2026.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	33.248.770.000	33.248.770.000
Bà Trần Thị Hiền	8.155.600.000	8.155.600.000
Vốn góp của các cổ đông	30.613.350.000	30.613.350.000
Cổ phiếu quỹ	258.900.000	258.900.000
Cộng	**72.276.620.000**	**72.276.620.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**28.086.910.800**	**21.605.316.000**

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**7.227.662**	**7.227.662**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**7.227.662**	**7.227.662**
Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**7.227.662**	**7.227.662**
Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

a. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.100.110.177	3.100.110.177

b. Ngoại tệ

	30/6/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi Ngân hàng		
USD	*8.031,66*	*52.041,22*

c. Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp:

Tài sản cố định

Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá tại 30/6/2026 VND	Giá trị còn lại tại 30/6/2026 VND	Đối tượng nhận thế chấp/cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
Nhà cửa vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	37.000.000.001	24.927.532.979	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Khoản vay ngắn hạn	Đến ngày 26/8/2026

Tài sản khác

Loại tài sản	Khoản mục	Giá trị tại 30/6/2026 VND	Đối tượng nhận thế chấp/cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
Nguyên liệu, vật liệu	Hàng tồn kho	45.223.759.483			
Sản phẩm	Hàng tồn kho	5.542.865.681			
Hàng hóa	Hàng tồn kho	5.869.444.443	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Khoản vay ngắn hạn	Đến ngày 26/8/2026
Quyền sử dụng đất tại Lô 108,109,110 KCN Dệt May Nhơn Trạch	Chi phí trả trước	37.331.081.085			

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	772.359.396.563	550.157.884.667
Doanh thu thi công nhận dạng thương hiệu	436.920.571	1.810.391.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.722.173.520	4.887.778.854
Doanh thu khác	2.695.870.220	2.570.089.440
Cộng	779.214.360.874	559.426.144.925
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	*78.529.346.633*	*37.699.022.819*

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn của hàng hóa, sản phẩm đã bán	704.843.976.453	483.715.751.277
Giá vốn thi công nhận dạng thương hiệu	427.382.200	1.570.443.130
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.060.084.623	2.442.435.235
Giá vốn hoạt động khác	2.695.870.220	2.570.089.440
Cộng	**711.027.313.496**	**490.298.719.082**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.323.923	24.485.654
Lãi bán hàng trả chậm, trả góp	3.650.552	34.345.386
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	459.367	45.259.390
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	49.065.491
Cộng	**55.433.842**	**153.155.921**

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	2.165.629.201	1.696.118.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	81.817.391	3.820.324
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	43.101.582
Lãi chậm thanh toán	-	1.703.452
Cộng	**2.247.446.592**	**1.744.743.824**

6.5 Lãi lỗ từ Công ty liên kết

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 (Trình bày lại) VND
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	6.023.742.819	5.518.763.940
Cộng	**6.023.742.819**	**5.518.763.940**

6.6 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	**24.275.650.896**	**21.449.386.798**
Chi phí nhân viên	2.410.487.382	2.088.731.533
Chi phí vật liệu, bao bì	298.134.255	1.172.521.049
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	13.485.000	21.702.565
Chi phí khấu hao TSCĐ	558.777.690	558.777.690
Chi phí/(hoàn nhập) bảo hành	-	(3.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.979.771.791	14.629.939.490
Các khoản chi phí khác	4.014.994.778	2.980.714.471
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26.626.719.338**	**25.807.458.440**
Chi phí nhân viên quản lý	11.785.249.701	9.664.960.985
Chi phí vật liệu quản lý	79.956.843	43.323.227
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	81.880.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	506.182.418	510.256.782
Thuế phí và lệ phí	-	10.615.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.692.338.712	10.452.627.634
Các khoản chi phí khác	7.562.991.664	5.043.794.384
Cộng	50.902.370.234	47.256.845.238

6.7 Thu nhập khác/chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác		
Xử lý công nợ	-	26.290.003
Hoàn trả lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	68.000.000
Thu nhập khác	338.803.720	24.885
Cộng	**338.803.720**	**94.314.888**
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp, phạt thuế, vi phạm hành chính	45.524.664	566.011.744
Bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng	-	183.625.550
Chi phí khác	8.472.216	1.388
Cộng	**53.996.880**	**749.638.682**
Lợi nhuận khác	284.806.840	(655.323.794)

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 (Trình bày lại) VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.147.479.202	4.654.710.226
Cộng	**3.147.479.202**	**4.654.710.226**

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	**18.246.598.249**	**20.519.784.020**
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm :	*(99.000.000)*	*(1.683.744.951)*
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	*(814.544.951)*
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Cán bộ quản lý	*(99.000.000)*	*(869.200.000)*
Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	**18.147.598.249**	**18.836.039.069**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	7.227.662	7.227.662
Lãi/ (lỗ)cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**2.511**	**2.606**

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Cán bộ quản lý. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Cán bộ quản lý cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 được trình bày lại do trong năm 2026 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 001/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/4/2026 của Công ty, theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 1.629.089.902 VND, trích thù lao HĐQT, BKS số tiền 795.200.000 VND, Chi thưởng HĐQT, BKS, BĐH và Cán bộ quản lý số tiền 943.200.000 VND do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 được trừ ½ số trích trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 thay đổi như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại) VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	**20.519.784.020**	**20.519.784.020**	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.683.744.951)	(99.000.000)	(1.584.744.951)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	*(814.544.951)*	-	*(814.544.951)*
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Cán bộ quản lý	*(869.200.000)*	*(99.000.000)*	*(770.200.000)*
Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	**18.836.039.069**	**20.420.784.020**	**(1.584.744.951)**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	7.227.662	7.227.662	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**2.606**	**2.825**	**(219)**

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.324.064.134	144.959.334.478
Chi phí nhân công	20.961.494.855	19.366.283.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí thuê đất	6.480.175.007	4.344.784.196
Chi phí dự phòng	-	(3.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	512.723.113.627	359.210.916.932
Chi phí khác	15.440.836.107	9.677.245.624
Cộng	761.929.683.730	537.555.564.320

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Công ty liên kết
CTCP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty liên kết của Cổ đông lớn
Các Công ty con, Công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác	Lương và thù lao	4.784.062.000	4.478.513.000

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị		**1.017.600.000**	**903.100.000**
Ông Nguyễn Bá Tùng	Chủ tịch	64.100.000	-
Ông Đinh Viết Hoàng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/10/2025)	198.600.000	272.900.000
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên	221.600.000	195.800.000
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên	194.100.000	130.800.000
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên	169.600.000	130.800.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	169.600.000	172.800.000
Ban Kiểm soát		**600.600.000**	**532.800.000**
Bà Nguyễn Thị Huê	Trưởng ban	236.600.000	210.800.000
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên	182.000.000	161.000.000
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên	182.000.000	161.000.000
Ban Giám đốc		**2.602.261.000**	**2.515.501.000**
Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc	744.441.000	739.463.000
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc	606.152.000	594.576.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc	625.751.000	571.506.000
Ông Nguyễn Hồng Kiếm	Phó Giám đốc	625.917.000	609.956.000
Những người quản lý khác		**563.601.000**	**527.112.000**
Ông Trần Văn Phúc	Kế toán trưởng	563.601.000	527.112.000
Cộng		**4.784.062.000**	**4.478.513.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Mua hàng			**403.615.571.928**	**235.779.279.589**
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	401.274.514.900	234.025.836.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	2.341.057.028	1.714.450.861
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	38.992.728
Bán hàng			**78.529.346.633**	**37.699.022.819**
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	14.990.000.000	-
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	63.539.346.633	37.699.022.819
Giao dịch khác			**12.967.020.300**	**11.874.814.150**
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	12.967.020.300	11.874.814.150

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			**45.539.537.636**	**37.849.232.296**
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	6.730.200.000	-
Các Công ty con, Công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	38.809.337.636	37.849.232.296
Phải trả người bán ngắn hạn			**18.663.544.043**	**14.312.167.441**
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	18.063.072.491	13.722.423.459
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	600.471.552	589.743.982
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			**8.935.358.534**	**31.500.000**
Chi nhánh Petrolimex Ninh Thuận - Công ty TNHH MTV Petrolimex	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	5.047.954.919	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty liên kết của Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	2.168.250.000	31.500.000
Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Petrolimex	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	1.719.153.615	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Các cam kết

Cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu thuê hoạt động 02 lô đất sau:

- Lô đất tại 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 8.030,8 m^2 sử dụng làm văn phòng làm việc và xưởng sản xuất. Thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm cho đến khi nhà nước thực hiện quy hoạch và được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất; số tiền thuê phải trả năm 2026 là 6.818.149.200 VND.

- Lô đất tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích là 596 m^2 sử dụng làm địa điểm kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Thời hạn thuê đất đến 10/8/2046; số tiền thuê phải trả năm 2026 là 72.570.000 VND.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

Khoản mục	MS	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (Đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Nợ ngắn hạn	**310**	**168.847.354.835**	**168.847.354.835**	**-**
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	8.427.866.476	-	8.427.866.476
Phải trả ngắn hạn khác	320	7.353.070.443	15.780.936.919	(8.427.866.476)
Tổng nguồn vốn	**440**	**353.832.867.836**	**353.832.867.836**	**-**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Hồng Hạnh	Trần Văn Phúc	Đoàn Đắc Học